

# MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIÚP HỌC SINH ĐIẾC HỌC TỐT MÔN LỊCH SỬ

TRẦN THÙY CHI - NGUYỄN THỊ THANH NGA - HOÀNG THU THẢO\*

Ngày nhận bài: 30/10/2017; ngày sửa chữa: 31/10/2017; ngày duyệt đăng: 13/11/2017.

**Abstract:** On the basis of generalizing the psychological and cognitive characteristics of deaf students as well as features of History, the article proposes some measures to help deaf students study History well. The measures should be performed effectively thanks to the efforts of these children themselves, their family, their school and the society.

**Keywords:** Measures, deaf students, study History.

## 1. Mở đầu

Học sinh điếc (HSD) là học sinh bị giảm ít hay nhiều, hoặc toàn bộ sức nghe, không thể nghe được ở khoảng cách và cường độ âm thanh bình thường. Điều này có thể dẫn tới những khó khăn về ngôn ngữ, giao tiếp; ảnh hưởng đến các chức năng tâm lí, quá trình nhận thức, quá trình học tập của HSD. *Lịch sử* (LS) là một trong những bộ môn có vai trò hết sức quan trọng trong việc bồi dưỡng thế hệ trẻ về kiến thức, văn hóa, tư tưởng, chính trị, phẩm chất đạo đức và phong cách sống. Những đặc thù của môn học này khiến HSD gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội tri thức. Vì vậy, bài viết đề xuất một số biện pháp giúp các em học tốt môn LS.

## 2. Nội dung

### 2.1. Đặc điểm tâm lí và nhận thức của HSD

- **Đặc điểm cảm giác - tri giác của HSD:** Cảm giác và tri giác là nền tảng của nhận thức, chúng là nguồn gốc cơ bản của những kiến thức mà chúng ta nhận thức được ở thế giới xung quanh. Đối với học sinh khiếm thính, do sự thiếu hụt về thính giác nên cảm giác, tri giác nhìn đóng vai trò quan trọng giúp trẻ nhận thức tốt và đặc biệt quan trọng trong việc tiếp nhận và lĩnh hội ngôn ngữ. Thậm chí, học sinh khiếm thính có thể tiếp nhận ngôn ngữ chỉ dựa trên tri giác nhìn.

- **Đặc điểm trí nhớ của HSD:** việc ghi nhớ có chủ định ở HSD cũng giống trẻ bình thường. Trong quá trình ghi nhớ tư liệu, trẻ ít sử dụng thủ thuật so sánh mà trẻ ghi nhớ dựa trên sự thiết lập mối liên hệ ý nghĩa giữa các đồ vật với tri giác và hệ thống hình ảnh đã có. Khi ghi nhớ từ, HSD thường thay thế bằng từ khác gần nghĩa nhưng sự thay thế này thường không hoàn thiện. Câu nói đối với trẻ không phải là một cấu trúc hoàn chỉnh mà là mớ từ ngữ riêng lẻ đặt cạnh nhau. Hơn nữa HSD không chỉ sử dụng cách biểu thị bằng lời mà còn bằng cử chỉ điệu bộ. Điều này cũng có ý nghĩa tích cực đối với sự ghi nhớ của các em.

- **Đặc điểm về tưởng tượng của HSD:** Ngôn ngữ là phương tiện quan trọng phát triển tư duy trừu tượng và trí tưởng tượng của con người. Những thiếu hụt về ngôn ngữ và tư duy trừu tượng ở HSD gây cho trẻ nhiều khó khăn trong việc hình dung những điều mà trẻ chưa tri giác được, làm hạn chế vốn hiểu biết của trẻ về kinh nghiệm xã hội.

- **Đặc điểm của tư duy ở HSD:** Tư duy trực quan - hành động chiếm ưu thế trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tế của HSD. Ở các em, trước thời gian tiếp nhận ngôn ngữ và trong cả quá trình thu nhận ngôn ngữ còn có một thời gian dài dừng lại ở mức độ tư duy trực quan - hình tượng. Sự diễn đạt bằng hình tượng được HSD tri giác với nội dung sự vật theo nghĩa đen của nó, gây khó khăn cho việc đi sâu vào ý nghĩa khái niệm của nó và cho việc nhận thức ý nghĩa khái quát của nó. Đồng thời, sự khiếm khuyết về ngôn ngữ, và ngay cả việc tiếp nhận ngôn ngữ muộn cũng có ảnh hưởng đáng kể đến sự hình thành các khái niệm và do đó ảnh hưởng đến cả tư duy trừu tượng.

- **Đặc điểm ngôn ngữ và giao tiếp của HSD:** Tật điếc ảnh hưởng đầu tiên tới khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nói của trẻ. Tuy nhiên, mức độ phát triển ngôn ngữ nói của trẻ bị ảnh hưởng phụ thuộc vào các yếu tố: mức độ điếc, thời điểm bị điếc, việc can thiệp sớm hay muộn...

**2.2. Đặc điểm nhận thức của HSD.** Nhìn chung, HSD thường nhận thức thông qua hai hình thức là nhận thức cảm tính và nhận thức lí tính.

- **Nhận thức cảm tính:** Do những hạn chế về sức nghe nên trẻ điếc sẽ có khả năng nhạy bén hơn, tinh tế hơn ở cảm giác nhìn. Trẻ có thể "nghe được bằng mắt", cảm thụ được độ rung của âm thanh bằng xúc giác khi phát âm đưa tay đặt lên cổ. Vì vậy, trong quá trình dạy học, nhất là trong các tiết dạy ngôn ngữ cần đặc biệt chú ý rèn luyện cảm giác nhìn để làm chức năng thay thế (đọc hình miệng, lĩnh hội ngôn ngữ kí hiệu).

\* Trưởng Cao đẳng Sư phạm Trung ương

- *Nhận thức lí tính*: Trẻ điếc có thể so sánh, phân biệt, khái quát hóa những hình ảnh khác nhau của sự vật, hiện tượng trong thời gian nhanh với độ chính xác cao; trẻ cũng có thể dễ dàng làm đúng các bài toán thông qua các vật thật hay vật thay thế tương ứng với các dữ kiện của bài toán... Trong quá trình dạy học trẻ điếc cần chú ý đặc biệt đến việc tổ chức hoạt động với vật, hoạt động thực hành. Trẻ cần được nhìn thấy, sờ mó vật và có những hành động trực tiếp trên đồ vật qua đó để hình thành và phát triển tư duy trực quan hành động.

**2.3. Đặc thù của môn LS.** Việc học tập LS của học sinh nói chung và HSD nói riêng là một quá trình nhận thức đặc thù, kiến thức LS mà các em được lĩnh hội mang *tính quá khứ* rõ rệt, mỗi sự kiện, hiện tượng LS chỉ xảy ra một lần duy nhất, gắn với một khoảng thời gian, không gian và nhân vật cụ thể. Các em không thể trực tiếp quan sát được các sự kiện, hiện tượng, mà các em chỉ có thể nhận thức được một cách gián tiếp thông qua các tài liệu được lưu lại hoặc nhận thức thông qua bài giảng, sự hướng dẫn của giáo viên (GV). GV cũng không thể tiến hành thí nghiệm để dựng lại quá khứ đúng như nó từng tồn tại để cho học sinh quan sát, nhất là các sự kiện, hiện tượng đã xảy ra cách ngày nay rất xa. Ví dụ, khi dạy về cuộc kháng chiến chống quân Thanh của nghĩa quân Tây Sơn (1789), GV không thể dựng lên “đội quân thân tước”, không thể làm cho hình ảnh ấy “sống lại” để diễn lại tinh thần, ý chí quyết tâm chống giặc ngoại xâm của họ để cho học sinh quan sát...

Cùng với tính quá khứ, kiến thức LS mà các em được học trong trường phổ thông còn mang *tính không lặp lại*. Mỗi sự kiện, hiện tượng LS chỉ xảy ra trong một thời gian và không gian nhất định, trong những thời gian và không gian khác nhau. Hơn nữa, nếu như những kiến thức cơ bản của một số môn học có thể được lặp đi lặp lại nhiều lần trong suốt quá trình dạy học, như công thức Toán học, các định đề, định lí của môn *Vật lí*... có thể được sử dụng ở nhiều bài khác nhau, các em được củng cố lại kiến thức một cách tự nhiên; thì đối với môn LS, những sự kiện, hiện tượng và khái niệm LS mà các em được học sẽ chỉ được giảng dạy một lần, không còn lặp lại nữa. Chính vì đặc điểm này của bộ môn LS nên đã gây ra những khó khăn nhất định cho việc ghi nhớ kiến thức của các em.

Mặt khác, mỗi sự kiện, hiện tượng LS diễn ra bao giờ cũng chứa đựng biến cố, hiện tượng LS, không gian và thời gian, địa danh, nhân vật, khái niệm, các quy luật... Các sự kiện LS xảy ra không phải là ngẫu

nhiên mà nó có một quá trình hình thành, phát triển và kết thúc nhất định. Nó biểu hiện mối liên hệ giữa sự kiện đã qua với sự kiện mới một cách chặt chẽ, tạo nên tính logic tất yếu của LS. Đồng thời, LS còn mang tính thống nhất giữa “sử” và “luận”, học sinh nhận thức sự kiện không chỉ dừng lại ở việc “biết”, mà cần phải giải thích sự kiện, đánh giá, so sánh rút ra quy luật và bài học kinh nghiệm [5; tr 98]. Mọi sự giải thích, bình luận cũng đều phải xuất phát từ sự kiện LS cụ thể chính xác, đáng tin cậy.

Với những đặc trưng của bộ môn LS nói trên, chúng ta nhận thấy được rất rõ những khó khăn của việc dạy - học LS ở trường phổ thông, nhất là đối với các em HSD.

**2.4. Một số biện pháp giúp HSD học tốt môn LS.** Trên cơ sở phân tích đặc điểm tâm lí, nhận thức của HSD và những đặc trưng cơ bản của môn LS, chúng tôi đề xuất một số biện pháp nhằm giúp HSD học tốt môn LS và có cái nhìn đúng đắn hơn nữa về môn học này.

**2.4.1. Đối với GV:** chuẩn bị đầy đủ đồ dùng dạy học khi lên lớp như giáo án, giáo án điện tử, bản đồ, tranh ảnh, sơ đồ hệ thống kiến thức, phiếu học tập... Khi giảng bài, GV cần phải kết hợp nhiều phương pháp như thuyết trình, phát vấn, nêu vấn đề, thảo luận nhóm... Cụ thể, GV có thể giao cho nhóm học sinh sưu tầm tranh ảnh, phim tư liệu liên quan đến bài học và làm bài tập. Điều này sẽ giúp học sinh có kĩ năng tìm kiếm, xử lí thông tin. Trên thực tế, một số nhóm đã sưu tầm công phu và sản phẩm bước đầu có tác dụng nhất định cho việc học tập, tiếp thu một số kiến thức liên quan đến môn học LS. Là người trực tiếp tham gia giảng dạy môn LS cho khối điếc, chúng tôi nhận thấy mặc dù bị hạn chế về phần nghe nhưng những học sinh có được kĩ năng như trên sẽ học tốt môn học này.

Bên cạnh đó, để học sinh yêu thích môn học, lôi kéo các em tham gia tích cực vào tiết giảng, GV cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào trong quá trình dạy và học LS. Khi sử dụng công nghệ thông tin (giáo án điện tử, video, sơ đồ), GV tái hiện lại quá khứ thông qua các hình ảnh, video, hay các sơ đồ chiến thuật của các trận đánh. Những trực quan sinh động đó sẽ tạo ra hứng thú cho các em và giúp cho học sinh có được cái nhìn thật đối với LS.

Một trong những biện pháp hiệu quả và quan trọng nhất đối với học sinh khối điếc khi học môn LS là GV cần hướng dẫn cho học sinh chuẩn bị bài trước, đọc bài trước khi lên lớp để HSD có thể dễ dàng tiếp thu

kiến thức. Ngoài ra, ở trên lớp, GV nên thường xuyên kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh, coi việc chuẩn bị bài là việc tất yếu phải làm. Trong quá trình giảng dạy một trong những trở ngại lớn nhất của GV khi dạy khối điếc là ngôn ngữ nói, vì thế nếu học sinh có thói quen đọc bài trước khi đến lớp sẽ đảm bảo giờ dạy đạt hiệu quả tốt hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh sự chuẩn bị của học sinh thì mỗi GV khi tham gia giảng dạy học sinh khối điếc cũng cần tự trang bị cho mình về ngôn ngữ kí hiệu. Điều này sẽ giúp ích cho việc giảng dạy môn LS đạt được những mục đích, yêu cầu đã đặt ra. Thực tế cho thấy, với những GV đã sử dụng ngôn ngữ kí hiệu thành thạo thì việc truyền đạt kiến thức cho học sinh khối điếc vẫn gặp những khó khăn nhất định, vì môn LS có rất nhiều sự kiện, nhiều từ, nhiều cụm từ rất khó để có thể lí giải cho học sinh hiểu một cách thấu đáo. Vì vậy, GV phải luôn luôn tìm tòi, sáng tạo, trau dồi kiến thức chuyên môn, bồi dưỡng ngôn ngữ kí hiệu để việc giảng dạy HSD có hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, GV nên kết hợp đưa các em đi tham quan thực tế ở Bảo tàng, khu di tích... để thông qua đó các em có cách nhìn chân thực hơn về LS.

**2.4.2. Đối với học sinh: Đọc bài, tóm tắt nội dung, gạch từ:** Các em cần đọc trước bài mới trong sách giáo khoa rồi ghi lại các ý chính của bài. Và với một bài LS sẽ có rất nhiều các thuật ngữ LS mà HSD không thể hiểu được, các em phải gạch chân lại và đến lớp hỏi GV. Ví dụ: Trong **LS 8** - Bài 1 “*Những cuộc cách mạng tư sản đầu tiên*”, có thể các em thường gặp những thuật ngữ khó hiểu như “*nền sản xuất tư bản chủ nghĩa*”, “*giai cấp tư sản*”, “*giai cấp vô sản*”, “*cách mạng tư sản*”... Việc hiểu đích xác các khái niệm, thuật ngữ sẽ khiến học sinh không nhầm lẫn kiến thức cơ bản của môn học.

**Trả lời các câu hỏi cuối bài, đặt câu hỏi:** Các câu hỏi ở cuối mục, cuối bài giúp học sinh hiểu được rõ hơn nội dung của bài. Thường có hai loại câu hỏi, một là câu hỏi tái hiện (mang tính tường thuật, chỉ cần lấy ý từ bài ra là được), hai là câu hỏi giải thích, phân tích, chứng minh (bằng sự hiểu biết của mình hãy chứng minh một ý kiến, giải thích một hiện tượng... tương đương với câu hỏi: “tại sao”, “vì sao”, “như thế nào”...). Đồng thời, nếu còn thắc mắc điều gì, các em hãy tự đặt câu hỏi và cùng thầy cô tìm câu trả lời thỏa đáng nhất. Ví dụ: Khi học Bài 5 - LS 8, ở mục II - *Tổ chức bộ máy và chính sách của Công xã Pari*, có xuất hiện cụm từ “*Công xã Pari trở thành một Nhà nước kiểu mới*”, các em có thể đặt câu hỏi “*Tại sao*

*Công xã Pari được gọi là Nhà nước kiểu mới?*”... để qua đó cùng GV giải đáp và hiểu rõ hơn nội dung của bài.

**Chú ý nghe giảng, học ngay ở trên lớp:** Đây chính là một trong những yếu tố giúp học sinh học môn LS nhanh hơn. Bởi khi các em lắng nghe giáo viên giảng bài, một phần kiến thức nền tảng đã được tiếp thu và ghi nhớ. Ngoài ra, học sinh cũng cần tích cực phát biểu ý kiến, có tinh thần đóng góp xây dựng bài.

**Học bằng sơ đồ tư duy:** Học sinh nên ghi lại những mốc thời gian quan trọng, sự kiện chính, tóm tắt diễn biến... bằng các sơ đồ tư duy để hệ thống kiến thức, móc nối các sự kiện. Việc sử dụng hình ảnh và màu sắc của sơ đồ tư duy giúp não của học sinh tiếp thu nhanh hơn, ghi nhớ lâu hơn. Đồng thời việc vẽ sơ đồ tư duy sẽ góp phần phát triển óc tư duy, sáng tạo cho học sinh. Đây chính là một trong những cách ôn tập môn LS nhanh, hiệu quả mà học sinh không nên bỏ qua.

**Học từng phần và theo các ý chính:** Các em có thể chia làm LS thế giới, LS Việt Nam... sau đó hãy phân theo các mốc thời gian cụ thể để học, học phần nào xong phần đó. Trong mỗi phần sẽ có những bài khác nhau, hãy chọn ra những ý chính để học. Điều đó giúp học sinh học tốt hơn, không bỏ sót các kiến thức cơ bản.

**Học từ các nguồn tư liệu khác:** Ngoài sách giáo khoa, học sinh có thể học và tìm hiểu kĩ hơn các sự kiện LS thông qua các nguồn tư liệu khác như tranh ảnh, sơ đồ, xem phim tư liệu, phim LS, kịch, cải lương...

Ngoài ra, học sinh có thể tham khảo thêm một số biện pháp học tập khác để học tốt môn LS, như: Học theo công thức “8+3”: 8 điều cần biết về sự kiện LS (1. Nguyên nhân/Bối cảnh diễn ra; 2. Diễn biến; 3. Kết quả; 4. Đặc điểm/Tính chất; 5. Nguyên nhân thắng lợi/Thất bại; 6. Hậu quả/Hệ quả; 7. Ý nghĩa LS; 8. Bài học kinh nghiệm). Và 3 điều cần biết về nhân vật LS (1. Bối cảnh xuất hiện; 2. Tiểu sử; 3. Vai trò LS). Bên cạnh đó, học sinh nên tích cực học nhóm, viết Note và dán ở những nơi mình hay tiếp xúc, vận dụng kiến thức LS vào các môn học khác...

### 3. Kết luận

Trên đây là một số biện pháp giúp HSD học tốt môn LS. Những biện pháp này cần được nhận thức và vận dụng linh hoạt, phù hợp với từng học sinh nhằm mang lại hiệu quả thiết thực. Để các em học tốt môn LS, ngoài nỗ lực của bản thân, HSD cần được gia đình, GV và toàn xã hội quan tâm hơn nữa, thấu hiểu

(Xem tiếp trang 143)

tâm, sinh lí lứa tuổi, vốn sống, sự hiểu biết của HS. Ở đây đối tượng là HS điếc với tri giác thị giác, xúc giác là chủ đạo thì việc GV sử dụng phương pháp dùng lời trong điều kiện NNNH của GV còn hạn chế sẽ khó đạt được mục tiêu giáo dục. Khi đó sử dụng phương pháp trực quan và thực hành trong dạy học sẽ hỗ trợ cả thầy và trò trong việc truyền thụ và tiếp nhận kiến thức mới rất có hiệu quả.

Việc sử dụng nhóm phương pháp trực quan và nhóm phương pháp thực hành trong khối phổ thông dành cho HS điếc đã có nhiều thuận lợi: tất cả các phòng học đều có máy chiếu và các GV cũng tự trang bị máy tính cá nhân, việc thiết kế các thí nghiệm ảo trên máy tính có thể khắc phục hạn chế thiếu thiết bị thực hành. □

#### Tài liệu tham khảo

[1] Trần Bá Hoàn - Trịnh Nguyễn Giao (2007). *Đại*

*ương phương pháp dạy học Sinh học*. NXB Giáo dục.

[2] Bộ GD-ĐT (2005). *Chiến lược dạy học và hỗ trợ học sinh khiếm thính học hòa nhập tiểu học*.

[3] Đinh Quang Báo - Nguyễn Đức Thành (1996). *Lí luận dạy học Sinh học (Phần Đại cương)*. NXB Giáo dục.

[4] Nguyễn Quang Vinh (chủ biên, 2000). *Dạy học sinh học ở trường trung học cơ sở* (tập 1, 2). NXB Giáo dục.

[5] Nguyễn Quang Vinh (tổng chủ biên) - Trần Kiên (chủ biên) - Nguyễn Văn Khang (2009). *Sinh học 6*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[6] Nguyễn Quang Vinh (tổng chủ biên) - Trần Kiên (chủ biên) - Nguyễn Văn Khang (2009). *Sinh học 7*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[7] Nguyễn Quang Vinh (tổng chủ biên) - Trần Kiên (chủ biên) - Nguyễn Văn Khang (2009). *Sinh học 7 (Sách giáo viên)*. NXB Giáo dục Việt Nam.

## Một số biện pháp giúp học sinh...

(Tiếp theo trang 129)

hơn nữa, giúp các em hoà nhập thành công với môi trường xung quanh, thông qua đó, các em có những đóng góp nhất định cho cộng đồng. □

#### Tài liệu tham khảo

[1] Phan Ngọc Liên - Trịnh Đình Tùng - Nguyễn Thị Côi (2002). *Phương pháp dạy học Lịch sử* (tập I, II). NXB Đại học Sư phạm.

[2] Phan Ngọc Liên - Nguyễn Thị Côi - Đặng Văn Hồ (1997). *Phương pháp học tập và nghiên cứu Lịch sử*. NXB Đại học Huế.

[3] Đỗ Thị Hiền (2012). *Ngôn ngữ kí hiệu ở Việt Nam - thực trạng và giải pháp* (Đề tài khoa học cấp Bộ), Viện Ngôn ngữ học.

[4] Đỗ Thị Hiền (2013). *Lựa chọn ngôn ngữ cho hoạt động dạy học trong các trung tâm khiếm thính ở Việt Nam*. (Kì yêu hội thảo Khoa học quốc tế Ngôn ngữ học Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập).

[5] Mai Văn Hưng (2013). *Sinh lí học thần kinh cấp cao và giác quan*. NXB Đại học Sư phạm.

[6] Nguyễn Văn Khang (2012). *Ngôn ngữ học xã hội*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[7] Nguyễn Thị Mí Lộc - Đinh Thị Kim Thoa - Trần Văn Tính (2009). *Tâm lí học giáo dục*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[8] Nguyễn Quang Uẩn (2000). *Những đặc điểm tâm lí của trẻ khiếm thính (tập bài giảng môn học)*, Trung tâm đào tạo và phát triển giáo dục - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

## Một số biện pháp dạy học...

(Tiếp theo trang 139)

Chia lớp thành nhóm nhỏ cũng giúp GV dạy học hiệu quả hơn, điều chỉnh yêu cầu phù hợp với trình độ của từng nhóm học sinh cụ thể. Trong khi GV làm việc với một nhóm, các nhóm còn lại có thể làm việc với nhau, trao đổi và hoàn thành một nhiệm vụ được giao. Việc sử dụng các nhóm nhỏ cũng mang lại hiệu quả nếu sử dụng các học sinh khá/giỏi dẫn dắt nhóm.

### 3. Kết luận

Có rất nhiều biện pháp dạy học khác nhau có thể áp dụng trong quá trình dạy môn *Vật lí* cho HSĐ. Để các em có hứng thú với môn học, ngoài các biện pháp dạy học ở trên, GV bộ môn cần sử dụng linh hoạt các biện pháp khác phù hợp với khả năng của từng đối tượng học sinh trong thực tế. □

#### Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Xuân Hải (2009). *Giáo dục học trẻ khuyết tật*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[2] Cục Bảo trợ xã hội (2016). *Tổng kết năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017 của Ủy ban Quốc gia về Người khuyết tật Việt Nam*.

[3] Quốc hội (2010). *Luật Người khuyết tật*.

[4] Nguyễn Thị Hoàng Yến (2007). *Đại cương về Giáo dục trẻ khiếm thính*. NXB. Đại học Sư phạm.

[5] Nguyễn Xuân Hải (2009). *Giáo dục học trẻ khuyết tật*. NXB Lao động.